

CÔNG TY TNHH TVKD

XD 79

Số: 01/2026/CB-79

Về việc: Công bố công khai năng
lực về hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Số:
Ngày: 12/15/26

Chuyển:

Lưu hồ sơ Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng 79 công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực:

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng 79

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4300852281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 24/04/2020

Mã số thuế: 4300852281

Địa chỉ: 763 đường Trà Bồng Khởi Nghĩa, Thôn Xuân Tây, xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0979 902 773/0971271208

- Web: <https://tuvankiemdinhxaydung79.com/>

- Email: congytkiemdinh79@gmail.com

2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Phòng thí nghiệm và Kiểm định công trình Las-xd 47.015

Địa chỉ: 763 đường Trà Bồng Khởi Nghĩa, Thôn Xuân Tây, xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi..

Điện thoại: 0979 902 773/0971271208

- Web: <https://tuvankiemdinhxaydung79.com/>

- Email: congytkiemdinh79@gmail.com

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn ; khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023

	<i>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</i>	<i>Tiêu chuẩn kỹ thuật</i>
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
3	Xác định độ bền nén; bền uốn	TCVN 6016:2011
4	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
CÓT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
5	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2 :06
6	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 :06
7	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 :06
8	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6 :06
9	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :06
10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8 :06
11	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 :06
12	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 :06
13	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:06
14	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572- 12:06
15	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572- 13:06
16	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572- 14:06
17	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:06
18	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572- 18:06
19	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572- 20:06
20	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572- 15:06
21	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572- 18:06
BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG		
22	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022
23	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:2022
24	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109:2022
25	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:2022

	<i>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</i>	<i>Tiêu chuẩn kỹ thuật</i>
26	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022
27	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
28	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:2022
29	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
30	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022
31	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022
32	Xác định giới hạn bền khi kéo uốn	TCVN 3119:2022
33	Xác định cường độ chịu kéo khi bừa	TCVN 3120:2022
34	Xác định thời gian ninh kết (đông kết) của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012
35	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
36	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCVN 14524:2025, TCVN 14525:2025, TCXDVN 239:2006
37	Xác định thành phần cấp phối bê tông xi măng	TCVN 10306:2014, Quyết định số 778/989/QĐ-BXD ngày 05/09/98 của Bộ xây dựng
THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
38	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
39	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
40	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
41	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
42	Xác định giới hạn bền uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
43	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
44	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
45	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co – Xác định độ chảy, xác định độ tách nước, xác định cường độ chịu nén của vữa, xác định thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, xác định chiều dài vữa đóng rắn	TCVN 9204:12

	<i>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</i>	<i>Tiêu chuẩn kỹ thuật</i>
46	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan tỏa, thay đổi thể tích trong quá trình đông kết, độ tách nước, cường độ chịu nén của vữa	TCVN 11971:18
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
47	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
48	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
49	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
50	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
51	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
52	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
53	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:2011
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG		
54	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ nén; xác định độ hút nước; xác định độ rỗng; xác định độ mài mòn; độ chịu lực xung kích; lực uốn gãy; độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:99
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỢP		
55	Xác định tải trọng uốn gãy; Độ hút nước; Xác định thời gian xuyên nước; Xác định khối lượng 1m ² ngói bảo hòa nước	TCVN 4313:2023
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
56	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định cường độ uốn; Xác định độ rỗng	TCVN 6477-2016
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH GRANIT		
57	Kiểm tra chất lượng bề mặt; Xác định độ mài mòn; xác định độ bền uốn	TCVN 6883:01
CƠ LÝ GẠCH BLOC BÊ TÔNG NHẹ		
58	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ bền nén ; xác định độ hút nước; xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9029:2011
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP		
59	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định độ co khô; Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017

	<i>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</i>	<i>Tiêu chuẩn kỹ thuật</i>
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ẮP	
60	Xác định kích thước và độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 7959:2017
	THỬ NGHIỆM CO LÝ GẠCH TERRAZZO	
61	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén, uốn; Xác định độ mài mòn bề mặt; Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT XÂY DỰNG	
62	Xác định độ cứng vạch bề mặt; xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn; xác định kích thước; khuyết tật; xác định độ hút nước; xác định độ mài mòn	TCVN 4732:2016, TCVN 8057:2009
	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
63	Thí nghiệm Marshall xác định độ ổn định và độ dẻo của bê tông nhựa	TCVN 8860-1-2011
64	Xác định hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2-2011
65	Xác định thành phần hạt trong bê tông	TCVN 8860-3-2011
66	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4-2011
67	Xác định tỷ trọng khối ,khối lượng thể tích của bê tông nhựa có đầm nén	TCVN 8860-5-2011
68	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6-2011
69	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7-2011
70	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8-2011
71	Xác định độ rỗng của cốt liệu và độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
72	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN8860-10:2011
73	Xác định độ lấp đầy nhựa	TCVN8860-11:2011
74	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN8860-12:2011
75	Xác định thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820:11
	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG	
76	Xác định độ kim lún	TCVN 7495: 05
77	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496: 05
78	Xác định nhiệt độ hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497: 05
79	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498: 05
80	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499: 05

	<i>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</i>	<i>Tiêu chuẩn kỹ thuật</i>
81	Xác định lượng hòa tan trong Tricloroethylene	TCVN 7500: 05
82	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501: 05
83	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504: 05
84	Xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:17
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN		
85	Thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, xác định khối lượng riêng, xác định khối lượng thể tích & độ rỗng dư, hệ số hấp nước, hàm lượng chất hóa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa bột khoáng	TCVN 12884:2020
THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG - MỐI HÀN		
86	Thử kéo	TCVN 197:2014
87	Thử uốn	TCVN 198:2008
88	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử uốn, thử kéo	TCVN 5401:2010, TCVN 5403:2010
89	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử va đập	TCVN 5402:1991
90	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
91	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
92	Ống kim loại -Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống	TCVN 314:2008, TCVN 197-1:2014
93	Thử nén bẹp ống thép	TCVN 1830:2008
94	Thí nghiệm bu lông, ốc vít	TCVN 1916:95
95	Cốt thép – Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:97
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT; CẤP PHỐI ĐÁ DẼM		
96	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
97	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 2012
98	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 14134 – 4:2024, TCVN 4197: 2012
99	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 14135-5 : 2024,

	<i>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</i>	<i>Tiêu chuẩn kỹ thuật</i>
		TCVN 14134-3 : 2024, TCVN 4198: 2014
100	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 2012
101	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 2012
102	Xác định góc nghỉ tự nhiên	TCVN 8724:2012
103	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012, TCVN 8721:2012
104	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202: 2012
105	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng TN	TCVN 12790:2020
106	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng TN	TCVN 12792:2020
107	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất.	TCVN 8726:2012
108	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012
	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
109	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy cho một cấu kiện riêng rẽ bằng BTCT	TCVN 9334: 2012
110	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao dai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, 22TCN 02:1971 TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, ASTM D2937 -24
111	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; 22 TCN 346 – 06, AASHTO T191
112	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
113	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012
114	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012
115	Xác định mô đun đàn hồi “E” nền, móng đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
116	Xác định mô đun đàn hồi “E” chung của kết cấu áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
117	Xác định Mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012

	<i>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</i>	<i>Tiêu chuẩn kỹ thuật</i>
118	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011
119	Đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385:2012
120	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
121	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
122	Xác định hàm lượng cặn không tan; Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
123	Xác định độ pH	TCVN 6492:99
124	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96
125	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:96
126	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88

2. Danh mục máy móc , thiết bị, dụng cụ

TT	Tên thiết bị thí nghiệm	Xuất xứ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
	THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG		
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN Model: WE-1000B . Điện tử hiện số - Ngàm kẹp thủy lực - Dải đo: 0-1000KN. - Theo TCVN - ASTM - Kéo mẫu thép dẹt có độ dày từ: 0 - 40mm - Kéo mẫu thép tròn từ: Ø14 - Ø45mm - Nén mẫu bê tông: D150xH300; 150x150x150mm. - Điện áp: 380 VAC/3 Phase hoặc 220VAC/1phase Bao gồm: Khung máy chính và phần điều khiển, 01 bộ thớt nén, 03 bộ má kẹp; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; 01 giá uốn trên; 01 dao uốn tiêu chuẩn D50mm;	TQ	
2	Gá trên uốn thép D30-D50 dài 100mm (dao uốn)	VN	
3	Gá trên uốn thép D60-D110 dài 100mm (dao uốn)	VN	
4	Gá trên uốn thép D110-D160 dài 100mm (dao uốn)	VN	

	uốn)		
5	Bộ gá kéo bu lông từ M10-12-14-16-18-20-22-24-26-28	VN	
6	Gối uốn thép đường kính D40x100mm	VN	
7	Gối uốn thép đường kính D50x100mm	VN	
8	Gối uốn thép đường kính D60x100mm	VN	
9	Gối uốn thép đường kính D70x100mm	VN	
10	Gối uốn thép đường kính D80x100mm	VN	
11	Gối uốn thép đường kính D90x100mm	VN	
12	Gối uốn thép đường kính D100x100mm	VN	
13	Gối uốn thép đường kính D110x100mm	VN	
14	Gối uốn thép đường kính D125x100mm	VN	
15	Gối uốn thép đường kính D140x100mm	VN	
16	Gối uốn thép đường kính D160x100mm	VN	
	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG XI MĂNG		
17	Máy nén bê tông 2000KN Model: TYY-2000. - Theo TCVN, ASTM. - Dải đo: 0~ 2000KN - Mẫu nén max: D150xH300; 200x200x200. - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam, - Hiện thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha. - Trọng lượng khoảng: 800kg	TQ	
18	Máy xác định độ thấm bê tông Model: HS-4 (HS-40). Dùng để đo độ thấm nước của bê tông, có thể tiến hành thử đồng thời 6 mẫu, đồng hồ áp lực có thể cài đặt để duy trì và tăng áp lực theo nhu cầu. Áp lực làm việc lớn nhất: 3.93MPa Chiều cao mẫu thử: 150mm Nguồn điện: 220V/50Hz, 1 pha Công suất: 120W; Trọng lượng: 250kg (chưa kèm bộ gá mẫu).	TQ	
19	Khuôn đúc mẫu bê tông, bằng nhựa Kích thước mẫu: D150 x H150	VN	
20	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ-VIỆT NAM. (1 bộ/1 mẫu) Theo TCVN, ASTM, kiểu dáng Châu Âu Tương thích với model: HS-4 Dùng để gá mẫu bê tông thử thấm hình trụ. Đảm bảo độ kín khít trong quá trình thí nghiệm	VN	

	Bộ kèm theo 02 gioăng cao su.		
21	Bàn rung mẫu BT 900x600-VIỆT NAM Chuẩn ASTM. Phù hợp TCVN, ASTM, AASHTO Dùng xác định khả năng tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông tươi. Có thể gá được tất cả các loại khuôn, kết cấu đơn giản dễ sử dụng. Kích thước mặt bàn rung: 600 x 900mm Tần số rung: 2900 ± 100vòng/phút Biên độ rung: 2-5mm Công suất: 1,1KW Kích thước: 900x600x760 mm Nguồn 220V/50Hz, 1 pha	VN	
22	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	VN	
23	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương 200mm, bằng thép	VN	
24	Khuôn bê tông 150x150x600mm	VN	
25	Khuôn bê tông trụ D150 x 300, bằng nhựa	VN	
26	Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm, tiêu chuẩn.	VN	
27	Máy đo hàm lượng bọt khí bê tông 7 lít - XIYI-TQ; Model: HC-7 Dùng để đo hàm lượng bọt khí trong bê tông. Thể tích thùng chứa mẫu: 7 lít Thang đo: 0- 10 % Kích thước tối đa của cốt liệu: 40 mm.	TQ	
28	Bộ xuyên bê tông- XIYI-TQ; Model: HG-80S Dùng xác định thời gian đông kết của bê tông Thể tích thùng chứa mẫu 0-1200N Tối thiểu phân chia 5N; Độ chính xác ±5N Khu vực chịu lực của Kim 100mm ² ; 50mm ² ;20mm ²	TQ	
29	Thiết bị đo môđun đàn hồi khi nén Dùng cho mẫu trụ, kèm 2 đồng hồ 5mmx0,001mm	VN	
30	Máy trộn bê tông cưỡng bức - VIỆT NAM Dung tích thùng trộn: 60lít; Nguồn điện: 380V	VN	
31	Chụp đế capping D150	VN	
32	Tấm cao su Capping D150mm dày 10mm	VN	
	THÍ NGHIỆM XI MĂNG - VỮA - GẠCH XÂY		

33	Máy nén xi măng 100KN- VIỆT NAM Model: TYA-100 - Hiện thị bằng đồng hồ điện tử hiện số, độ chính sách cao, sai số đạt theo TCVN hoặc ASTM. - Khả năng nén: 0 - 100KN - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	VN	
34	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn - XIYI Model: JJ-5 Thiết bị dùng tạo hỗn hợp vữa xi măng, kết cấu đơn giản, cấu tạo gọn, dễ sử dụng, an toàn. Bao gồm: Máy chính, cánh khuấy, nồi trộn, bộ phận tự rót cát đã được lập trình sẵn. Tốc độ quay chính của cánh khuấy: 140v/p và 280v/p. Tốc độ quay hành tinh 62v/p và 125v/p. Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha. Công suất: 750W. Kích thước: 600x320x660mm. Trọng lượng 70kg. Dung tích: 5 lít;	TQ	
35	Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn-XIYI Model: ZS-15 Biên độ rung: 15 +/- 0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	TQ	
36	Dụng cụ VICA - VIỆT NAM Phù hợp tiêu chuẩn: TCVN 8875:2012 Dùng xác định độ dẻo và thời gian đông kết của xi măng bằng cách xuyên mũi kim vào mẫu xi măng. Bao gồm: - Thân chính gắn thước - Thanh dẫn hướng - Khâu chuẩn - 3 kim tiêu chuẩn - Tấm kính	VN	
37	Thùng hấp mẫu xi măng - VIỆT NAM Dùng để chưng, hấp mẫu xi măng, có khay chứa mẫu. Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	VN	
38	Bàn dằn vữa xi măng - VIỆT NAM; Dùng để xác định độ lưu động của vữa xi măng Chiều cao dằn tiêu chuẩn: 12.7mm Kèm khâu chuẩn, chày đầm và thước kẹp 200mm-TQ	VN	
39	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	VN	
40	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	VN	

41	Khuôn xi măng 40x40x160 kép 3, bằng thép	VN	
42	Khuôn vữa 70,7 kép 3, bằng Gang	TQ	
43	Khuôn 50 kép 3, bằng thép	VN	
44	Cát chuẩn 0,08-2mm, ISO 679. Túi nặng 1.35kg	VN	
45	Khuôn Le Chatelier	TQ	
46	Bình tỷ trọng xi măng Dùng để đo tỷ trọng xi măng Thể tích 250 ml Vạch chia từ 0 - 1 ml và từ 18 - 24 trên cổ bình Độ chính xác 0,5 ml	TQ	
47	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml	VN	
48	Phễu xác định độ sệt của vữa - VIỆT NAM TC: ASTM C939. Thông số: - Lỗ xả vữa: Ø13; Vữa được lọc qua sàng số 8 (lỗ 2.36); Kích thước: Ø320x H520; Khối lượng: 4.2kg(Không bao gồm phụ kiện)	VN	
49	Khuôn xi măng 20x20x20 kép 6	VN	
	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT-ĐÁ-SỎI)		
50	Máy thử độ mài mòn Los Angeles - VIỆT NAM Với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử; Kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút; Điện áp 220VAC/1phase.	VN	
51	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	VN	
52	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	VN	
53	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	VN	
54	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	VN	
55	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)	VN	
56	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)	VN	
57	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)	VN	
58	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)	VN	
59	Thùng dung trọng 15 lít (Hộc đong)	VN	
60	Thùng dung trọng 20 lít (Hộc đong)	VN	
61	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình	VN	

	rửa đá)		
62	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	
63	Bảng màu chuẩn	VN	
64	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chày hấp phụ nước của cát)	VN	
65	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)	VN	
66	Bộ xác định đương lượng cát - VIỆT NAM Bao gồm: Hộp gỗ, 4 ống mẫu chuẩn, dụng cụ xác định. (không kèm máy lắc)	VN	
67	Sàng rửa ướn D200 x cao 200mm	TQ	
68	Bộ sàng thí nghiệm D300	TQ	
69	Đáy + Nắp cho sàng D300 mm	TQ	
70	Máy lắc sàng D300- XIYI ; Model 8411 Đường kính: 30 cm Tần số rung: 1400 min Công suất :120 w Điện áp: 220V/50 Hz, 1 pha	TQ	
71	Bộ chia mẫu 1/2", kèm 2 khay hứng mẫu	VN	
72	Bộ chia mẫu 1", kèm 2 khay hứng mẫu	VN	
73	Bộ chia mẫu 2", kèm 2 khay hứng mẫu	VN	
74	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3	VN	
75	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	VN	
76	Thiết bị xác định góc cạnh của cát. Theo TCVN 8860-7:2011. Bao gồm: Phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn.	VN	
	THÍ NGHIỆM ĐẤT - ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH		
77	Máy nén CBR 50KN - VIỆT NAM - Dùng để xác định sức chịu tải của vật liệu san nền.- Kiểu dáng Châu Âu, theo tiêu chuẩn ASTM, AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam.- Hoạt động bằng động cơ điện, - Điện áp 220V/ 50HZ, - Tốc độ gia tải 1,27mm/phút (có tốc độ di chuyển nhanh khi không tải). - Kích thước: 640x440x1200mm- Khối lượng: 120kgBao gồm: Máy chính, piston xuyên, gá đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.(chưa kèm Cung lực 50KN)	VN	

78	Cung lực 50KN, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm.	TQ	
79	Khuôn CBR tiêu chuẩn - VIỆT NAM. - Tiêu chuẩn VN, ASTM, mạ cầu vồng. - Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.	VN	
80	Đĩa phân cách tiêu chuẩn.	VN	
81	Dao cắt bằng thép (dao cắt CBR D150)	VN	
82	Đồng hồ so 10mmx0,01-TQ	VN	
83	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất - VIỆT NAM Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, bát trộn, hộp đựng.	VN	
84	Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande-VIỆT NAM Bao gồm: Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.	VN	
85	Cối Proctor tiêu chuẩn	VN	
86	Cối Proctor cải tiến	VN	
87	Chày Proctor tiêu chuẩn	VN	
88	Chày Proctor cải tiến	VN	
89	Bộ Vaxilieps-XIYI Model: ZY-1	TQ	
90	Dao dẹt mẫu 300x30x3 (Dao gạt đất)	VN	
91	Máy khuấy điện siêu tốc thí nghiệm.	VN	
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
92	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - VIỆT NAM Bao gồm: Tấm ép D340mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực 16 tấn, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 đồng hồ so 10x0,01mm	VN	
93	Bộ cần Benkenman - VIỆT NAM - Dùng xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe. - Kiểu dáng Châu Âu, kết cấu gọn nhẹ, dễ sử dụng. - Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX, rút 3 đoạn, có mô tơ rung, bọt thủy thẳng bằng, kèm 01 đồng hồ so 10x0.01mm. Bao gồm cần chính, mô tơ rung, pin, đồng hồ so.	VN	

94	Bộ dao vòng lấy mẫu đất. Bao gồm: Chày, Thanh dẫn, Gá dao vòng, 3 lưỡi dao, hộp đựng bằng gỗ.	VN	
95	Phễu rót cát hiện trường - VIỆT NAM Gồm: Thiết bị gắn bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, thùng gỗ.	VN	
96	Cát chuẩn kiểm tra độ chặt, 0,3-0,6mm	VN	
97	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi.	TQ	
98	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát. Bao gồm: Hộp gỗ, ống đồng tiêu chuẩn, bàn xoa chuẩn, chổi mềm.	VN	
99	Máy đo điện trở đất 4105A - Kyoritsu Thông số kỹ thuật: - Giải đo: + Điện trở : 0~20Ω/0~200Ω/0~2000Ω + Điện áp đất [50,60Hz]: 0~200V AC - Độ chính xác + Điện trở: $\pm 2\%rdg \pm 0.1\Omega$ (20Ωrange) $\pm 2\%rdg \pm 3dgt$ (200Ω/2000Ωrange) + Điện áp đất : $\pm 1\%rdg \pm 4dgt$ - Nguồn: R6P (AA) (1.5V) × 6 Kích thước : 105(L) × 158(W) × 70(D)mm Khối lượng : 550g. Gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	Thái Lan	
100	Kích thủy lực 200 tấn, hành trình 150 - TLP Model: HHYG-200150 Kèm: Bơm thủy lực bằng tay 1 đường ra. Model: HHB-700A; và đồng hồ đo lực	TQ	
101	Bộ xuyên tĩnh - VIỆT NAM Bao gồm: cần xuyên 3 thanh dài 500mm, 3 mũi xuyên, cung lực 1,2KN, tay cầm. (linh kiện nhập ngoại)	VN	
102	Máy khoan bê tông D150 - HQ Model: DK-6DS Đường kính khoan max: 6" Khoan được mọi vị trí, mọi hướng, được dùng cho thủy điện, thủy lợi, cầu cống....; Hoạt động bằng động cơ điện 220V/50Hz (chưa kèm mũi khoan)	HQ	
103	Mũi khoan kim cương 4"(đk101,6mm, rời 3 đoạn)-Shinhan	HQ	
104	Mũi khoan kim cương 3"(đk76mm, rời 3 đoạn)-Shinhan	HQ	

	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM ĐẤT		
105	Máy nén đất tam liên loại thấp áp - Nam Kinh Model WG-1C; Kèm theo: Bộ quả cân, đá thấm, dao cắt, 03 đồng hồ so 10x0,01mm.	TQ	
106	Máy cắt đất 2 tốc độ - Nam Kinh; Model: EDJ - 1 (ZJ) Kèm: Bộ quả cân, hộp cắt, cung lực 1,2mm, 02 đồng hồ so 10x0,01mm.	TQ	
107	Bộ thấm cột nước không đổi. Model TST-70-Nam Kinh Thùng thấm 100x400mm Khoảng cách ống áp suất 1000,44mm Lưới lọc kích thước 215x145x400mm Trọng lượng: 2kg	TQ	
108	Bảng cột thấm nước 1 mẫu (đơn)	VN	
109	Hộp thấm đất nam kinh- NAM KINH Model TST-55 + Thân bằng đồng thau + Với các lỗ cho nước vào và ra + Dao vòng bằng thép không gỉ + Vòng đệm cao su và đá thấm. Kích thước mẫu thấm 61.8x40mm.	TQ	
110	Bộ trương nở đất WZ-II - NAM KINH Dao vòng thấm 61,8x20mm. Thiết bị điều chỉnh cân bằng bằng đai ốc dưới cốc chứa nước, đồng hồ so 10x0,01mm	TQ	
111	Thiết bị thí nghiệm thấm của đất, cát - VIỆT NAM Bao gồm: Khung chính, bộ thấm nước, bộ chày tạo mẫu, bảng cột nước, bình đựng nước, dây dẫn nước và phụ kiện kèm theo.	VN	
112	Bộ thí nghiệm Bentonite - TQ Bao gồm các mã: NA-1; NB-1; 1006.	TQ	
113	Bộ xuyên động DCP. Bao gồm: Quả tạ, thanh dẫn có thước đo độ xuyên sâu, 3 mũi xuyên tiêu chuẩn, 1 hộp gỗ	VN	
	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM - NHỮ TƯƠNG AXIT - BÊ TÔNG NHỰA		

114	Thiết bị giãn dài nhựa - XIYI Model: SY-1,5 Theo TCVN, ASTM. Tốc độ kéo tiêu chuẩn: 50,8mm/phút. Khả năng kéo max: 1500 mm Động cơ điện 220V/50Hz. Kèm: 03 khuôn tiêu chuẩn số 8 và 01 đế khuôn đúc mẫu.	TQ	
115	Bộ kim lún nhựa tự động Nam Kinh Model: DF-6 Kim lún nhựa tự động có nhiệt độ bên trong: 60 độ C Độ chính xác: 0.1 độ C Thời gian khởi động lại: 0~999.9s Dài tối đa: 50mm. Độ chính xác hiển thị: 0.1mm Trọng lượng tiêu chuẩn của kim, đòn bẩy, cân: 100g±0.05g Bát chứa: Ø55x35mm Công suất: 200W Phụ kiện đồng bộ.	TQ	
116	Thiết bị hoá mềm nhựa - VIỆT NAM Bao gồm: Cốc thủy tinh, giá đỡ khuôn mẫu, 2 bộ khâu tiêu chuẩn, 2 viên bi chuẩn.	VN	
117	Bếp gia nhiệt bằng điện (bếp cách cát). Kèm 1 khay nhôm 200x250x40 mm	VN	
118	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa - Thượng Hải Model: SYD-3536 (không kèm bình ga và van)	TQ	
119	Thân khuôn marshall	VN	
120	Cổ khuôn marshall	VN	
121	Đế khuôn marshall	VN	
122	Bể ổn nhiệt marshall 32 lít - VIỆT NAM. Bộ đặt nhiệt độ tùy ý.	VN	
123	Máy ly tâm tách nhựa - XIYI; Model: SLF-400; Buồng mẫu : 3KG Công suất : 750W Tốc độ : 1300—3000r/min Trọng lượng : 35kg Kích thước : Cao :526mm, Đường kính: 350mm Điện áp nguồn: 220V/50Hz	TQ	
124	Giấy lọc cho ly tâm 3000g, D330, loại dày, 100 tờ/hộp	VN	

125	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa. (theo TCVN 8860-4 : 2011) Bao gồm: Bình tam giác có vòi 1000ml (03 ch) Bình tam giác có vòi 2.5 lít (01 ch) Bơm chân không (01 ch) Ống cao su (02 m) Đồng hồ áp (02 ch) Van đồng cho hút chân không, các dây nối và van khóa	VN	
	THÍ NGHIỆM GẠCH		
126	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn Dùng để gá thử uốn gạch xây Đường kính gổ uốn: 10mm Khoảng cách 2 gổ uốn dưới: 180mm	VN	
127	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn tiêu chuẩn Kích thước: 120x60x20 mm 2 tấm/bộ	VN	
128	Thiết bị xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men. Model: WM - Xiangyi-TQ Phù hợp tiêu chuẩn: GB/T3810.6-2016. Tốc độ quay vòng 75 ± 4 vòng/phút, ĐK: 200 ± 0.2 mm, độ dày: 10 ± 0.1 mm Kích thước mẫu thử: 100mm x 150mm	TQ	
129	Máy xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men. Model: LM—8 Xiangyi-TQ Phù hợp tiêu chuẩn: GB/T3810.7-2006 Số chỗ mài : 8 Kích thước mẫu: 100 x 100 mm Tốc độ : 300 ~3000 vòng/phút Nguồn điện: 3 pha, 380 V, 50Hz	TQ	
130	Thiết bị xác định hệ số dẫn nở ẩm. Model: SPY - Xiangyi-TQ Kích thước khoang chứa: 280 x 150 x 100mm Nhiệt độ max: 800C Kích thước khoang hấp: Ø 225 x 210mm Mẫu thử: 100 x 35 x độ dày	TQ	
131	Thiết bị xác định hệ số dẫn nở nhiệt dài Model XPY Máy thử dẫn nở nhiệt tuyến tính cho gạch men Máy được dùng để đo hệ số dẫn nở nhiệt tuyến tính cho gạch ceramic, vật liệu chịu lửa cũng như vật liệu dạng rắn khác. Phù hợp tiêu chuẩn GB/T3810.9-2006."Thiết bị cung cấp công cụ dùng để thử nghiệm gạch ceramic và vật liệu chịu lửa trong phòng kiểm	TQ	

	tra chất lượng, nghiên cứu và đào tạo. Thông số kỹ thuật: Nhiệt độ cao nhất: 1000°C Tốc độ gia nhiệt: điều chỉnh tới nhiệt độ cao nhất trong 2 giờ và nhiệt độ có thể lập trình hay điều chỉnh bằng tay. Sai số đo chuyển vị: $\pm 0,01\text{mm}$ Công suất tiêu thụ: 2kW Nguồn điện: 220V $\pm 1\%$, 50Hz "		
	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG		
132	Tủ sấy 300°C, dung tích 70lít Model: 101-1A; đồng hồ hiển thị số	TQ	
133	Bình tỷ trọng đất 100ml	TQ	
134	Lò nung 1000°C; Model: 4-10	TQ	
135	Cân kỹ thuật 4100g x 0,01- Hãng OHAUS (Mỹ) Model: PA 4102	TQ	
136	Cân điện tử 6kg x 0.1g - Hãng OHAUS (Mỹ) Model: RC21P6 Khả năng nặng : 6kg $\pm$ 0.1g Kích thước đĩa cân : 294mm x 226mm Tính năng : cân , đếm , trừ bì Nguồn điện : 220V , Adaptor	TQ	
137	Cân điện tử 15kg x 0.5g - Hãng OHAUS (Mỹ) Model: RC21P15 Khả năng: 15kg $\pm$ 0.5g Kích thước đĩa cân : 294mm x 226mm Tính năng : cân , đếm , trừ bì Nguồn điện : 220V , Adaptor	TQ	
138	Bay tròn	VN	
139	Bay tròn nhỏ	VN	
140	Bát sứ D80mm	TQ	
141	Bình tam giác 50ml	TQ	
142	Bình tam giác 100ml	TQ	
143	Bình tam giác 250ml	TQ	
144	Bình tam giác 500ml	TQ	
145	Bình tam giác 1000ml	TQ	
146	Bình hút ẩm D240mm, bằng thủy tinh	TQ	
147	Bình hút chân không D240mm, thủy tinh	TQ	
148	Bình xịt rửa 500ml	VN	
149	Búa sắt nhỏ	VN	
150	Búa cao su	VN	
151	Cối chày sứ D150mm	TQ	
152	Cối chày đồng	VN	

153	Chày cao su	VN	
154	Chảo mẫu D400	VN	
155	Chén sứ chịu nhiệt 100ml	TQ	
156	Đồng hồ bấm giây điện tử	TQ	
157	Đũa thủy tinh	TQ	
158	Găng tay chịu nhiệt	VN	
159	Hộp nhôm D55x35	TQ	
160	Hộp nhôm D80x52	TQ	
161	Hóa chất NaOH, 500g (NH ₄ OH)	TQ	
162	Tricloethylene, 500ml	TQ	
163	Kích đèn mẫu vạn năng 4" và 6" - VIỆT NAM; Kích Trung Quốc 16 tấn	VN	
164	Khay nhôm 300x220x50	VN	
165	Nhiệt kế kim loại 250C	HQ	
166	Nhiệt kế kim loại 350C	HQ	
167	Nhiệt kế thủy tinh 100C	TQ	
168	Nhiệt kế thủy tinh 300C	TQ	
169	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	TQ	
170	Ống đong thủy tinh 50ml	TQ	
171	Ống đong thủy tinh 100ml	TQ	
172	Ống đong thủy tinh 250ml	TQ	
173	Ống đong thủy tinh 500ml	TQ	
174	Ống đong thủy tinh 1000ml	TQ	
175	PIPETTE 5 ML	TQ	
176	PIPETTE 10 ML	TQ	
177	Tỷ trọng kế 151H, 0,995 TO 1,038 G/ML	G7	
178	Tỷ trọng kế 152H, -5 +60 G/LITRE	G7	
179	Bơm chân không 650mmhg	TQ	
180	Ống cao su	VN	
181	Đồng hồ áp chân không	TQ	
182	Van đồng cho hệ thống hút chân không	TQ	
183	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn - VIỆT NAM Có bàn nâng di động, tời quay tay nâng hạ, tiện vận hành.	VN	
184	Rọ cân thủy tinh 200x200	VN	

3. Danh sách CBCNV Phòng thí nghiệm:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn Bằng cấp, chứng chỉ	Công việc được giao	Kinh nghiệm
1	Đinh Thanh Việt	1990	+ Kỹ sư Xây dựng Dân dụng + Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng + Chứng chỉ quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng + Chứng chỉ quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo ISO17025	Trưởng Phòng	13 năm
2	Nguyễn Thanh Duy	1996	+ TNV chuyên ngành xây dựng giao thông + TNV chuyên ngành xây dựng	Nhân viên	6 năm
3	Đỗ Tấn Thạnh	1985	+ TNV Tính chất cơ lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng	Nhân viên	5 năm
4	Phan Văn Tiến	1987	+ TNV xác định tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn + TNV xác định tính chất cơ lý của Đất trong phòng và hiện trường	Nhân viên	7 năm
5	Hồ Ngọc Đức	1988	+ TNV chuyên ngành xây dựng giao thông + TNV chuyên ngành xây dựng	Nhân Viên	1 năm

Công ty TNHH TVKĐ XD 79 chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố nêu trên ./.

CÔNG TY TNHH TVKĐ XD 79

Giám đốc

Nơi nhận:

- Đăng lên trang web:
<https://tuvankiemdinhxaydung79.com/>
- Sở xây dựng tỉnh Quảng Ngãi
- Lưu VT



Đoàn Thị Kim Hằng